

GIẢI THÍCH Ý ĐỊNH GIẢM THIỂU SỬ DỤNG TÚI NHỰA CỦA DU KHÁCH QUỐC TẾ BẰNG LÝ THUYẾT HÀNH VI DỰ ĐỊNH MỞ RỘNG

Nguyễn Hữu Khôi

Trường Đại học Nha Trang

Email: khoinh@ntu.edu.vn

Ngày nhận: 03/5/2019

Ngày nhận bản sửa: 19/8/2019

Ngày duyệt đăng: 06/3/2020

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm điền vào khoảng trống trong việc khám phá các nhân tố tác động đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế. Theo đó, nghiên cứu này mở rộng lý thuyết hành vi dự định bằng việc bổ sung quy chuẩn hình mẫu bên cạnh thái độ, kiểm soát hành vi cảm nhận và quy chuẩn quy phạm và giả thuyết các biến số này tác động đến ý định của du khách. Hơn nữa, quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu cũng được giả thuyết có tác động đến thái độ của du khách. Áp dụng phương pháp bình phương bé nhất riêng phần với phần mềm SmartPLS trên một mẫu 200 du khách quốc tế, kết quả cho thấy các giả thuyết đều được ủng hộ. Vì vậy, nghiên cứu có những đóng góp về mặt học thuật và thực tiễn.

Từ khóa: ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa, lý thuyết hành vi dự định, quy chuẩn quy phạm, quy chuẩn hình mẫu.

Mã JEL: M31, Z32, Q56

Explaining intention to decrease plastic bags use of international tourists using extended theory of planned behavior

Abstract:

This study aims at filling the gap in discovering determinants influencing intention to decrease plastic bag use among international tourists. Accordingly, the present research extends theory of planned behavior by supplementing descriptive norm to attitudes, perceived behavioral control and injunctive norm and hypothesize that the variables have significant impacts on tourists' behavioral intention. Furthermore, injunctive norm and descriptive norm are also hypothesized to have influences on attitudes. Adopting partial least square with SmartPLS software on a sample of 200 international tourists, the results demonstrate that all hypotheses are supported. Therefore, this research has contributions in both academic and practical perspectives.

Keywords: Intention to decrease plastic bag use, theory of planned behavior, injunctive norm, descriptive norm.

JEL Code: M31, Z32, Q56

1. Giới thiệu

Mặc dù ngành công nghiệp du lịch mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội cho các quốc gia (Juvan & Dolnicar, 2017), phát triển du lịch cũng gây ra những hậu quả tiêu cực về mặt môi trường như tạo ra rác thải hoặc sử dụng tài nguyên quá mức (Kim & cộng sự, 2018; Landon & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014). Các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng để giải quyết triệt để các vấn đề của du lịch (Gössling & cộng sự, 2010), nhà quản lý không nên chỉ dựa vào giải pháp công nghệ hay xây dựng quy tắc hành vi, mà còn phải tập trung vào việc gia tăng hành vi bảo vệ môi trường của du khách (Budeanu & cộng sự, 2016). Nhiều ưu điểm của vật liệu nhựa như bền, mềm dẻo và giá rẻ đã thúc đẩy sự phổ biến của túi nhựa, trở thành vật không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng chất thải nhựa gây ra những vấn đề nghiêm trọng đến môi trường (Blasing & Amelung, 2018; Horton & cộng sự, 2017) và được xem là hiểm họa toàn cầu (Heidbreder & cộng sự, 2019; Miller & cộng sự, 2014). Ví dụ, túi nhựa thường sử dụng một lần gây ra sự lãng phí tài nguyên; chất thải nhựa gây ra khó phân hủy, sản sinh ra khí nhà kính, gây nguy hại đến hệ sinh thái trên cạn và dưới nước (Heidbreder & cộng sự, 2019). Do đó, việc du khách hạn chế sử dụng túi nhựa sẽ có những đóng góp quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên (Heidbreder & cộng sự, 2019).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng, trừ khi thực sự cam kết với việc bảo vệ môi trường, du khách dường như ít thực hiện các hành vi bảo vệ môi trường khi đi du lịch (Dolnicar & Grün, 2009). Vì vậy, một nghiên cứu giải thích ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng giải pháp phát triển du lịch bền vững. Hơn nữa, Stern (2000) lập luận và Juvan & Dolnicar (2017) kiểm định thực nghiệm rằng các hành vi bảo vệ môi trường khác nhau sẽ chịu tác động từ các yếu tố khác nhau. Nói cách khác, các can thiệp được xây dựng cho hành vi bảo vệ môi trường khác có thể không có tác dụng hoặc tác dụng không đáng kể đến hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Do đó, các nghiên cứu trước đây tập trung vào khía cạnh tái sử dụng (khuyến khích tái sử dụng túi nhựa) (Chang & Chou, 2018) sẽ không có hàm ý trong việc gia tăng ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách. Hơn nữa, việc khám phá các nhân tố tác động đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách hầu

như bị bỏ qua trong các nghiên cứu trước đây. Vì vậy, việc khám phá các nhân tố tác động đến việc gia tăng ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa sẽ có đóng góp trong việc tạo ra một bức tranh hoàn chỉnh hơn liên quan đến các nhân tố tác động đến hành vi bảo vệ môi trường của du khách. Nghiên cứu được kỳ vọng sẽ có hàm ý lý thuyết quan trọng trong việc mang lại những hiểu biết sâu sắc hơn về các nhân tố tác động đến hành vi bảo vệ môi trường nói chung và giảm thiểu sử dụng túi nhựa nói riêng; đồng thời sẽ cung cấp những hàm ý thực tiễn cho việc gia tăng hoạt động bảo vệ môi trường của du khách.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Hành vi bảo vệ môi trường của du khách và ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa

Thuật ngữ bảo vệ môi trường hàm ý tất cả các hành động bảo vệ môi trường hoặc các hành động giảm thiểu tác động tiêu cực của con người đến môi trường (Budeanu & cộng sự, 2016). Các hành vi bảo vệ môi trường có thể là sử dụng năng lượng hiệu quả hay năng lượng tái tạo, tái chế, sử dụng sản phẩm địa phương hay các sáng kiến bền vững khác (Gössling & cộng sự, 2010; Kim & cộng sự, 2018; Landon & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014).

Tổng quan các nghiên cứu trước đây cho thấy các học giả tập trung vào nhiều hành vi bảo vệ môi trường nói chung (Kim & cộng sự, 2018; Landon & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014) hoặc tập trung vào một số hành vi bảo vệ môi trường cụ thể như không sử dụng phương tiện gây ô nhiễm môi trường hoặc từ chối tham gia hoạt động du lịch gây ảnh hưởng đến môi trường (Juvan & Dolnicar, 2017). Một vài nghiên cứu khác (ví dụ, Ramayah & cộng sự, 2012) cho rằng tái chế là hành vi được nghiên cứu phổ biến nhất. Tác giả lập luận rằng, vì chất thải nhựa có ảnh hưởng xấu đến môi trường (Blasing & Amelung, 2018; Horton & cộng sự, 2017), việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa sẽ có tác động tích cực đến chiến lược phát triển du lịch bền vững (Budeanu & cộng sự, 2016; Juvan & Dolnicar, 2017; Miller & cộng sự, 2014). Do đó, việc khám phá các nhân tố tác động đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách có vai trò quan trọng và là một chủ đề đáng quan tâm. Tuy nhiên, hành vi sử dụng túi nhựa của du khách hầu như bị bỏ qua, tạo ra một khoảng trống trong kiến thức chung về thúc đẩy hành vi tiêu dùng dịch vụ du lịch bền vững.

Du khách quốc tế có vai trò quan trọng trong

việc tạo nguồn cung cấp ngoại hối ổn định và góp phần tạo ra việc làm cho nguồn nhân lực du lịch. Tuy nhiên, lượng du khách quốc tế này có thể tạo ra một lượng rác thải nhựa đáng kể, gây ảnh hưởng đến chiến lược phát triển du lịch bền vững. Vì vậy, việc giảm thiểu lượng rác thải túi nhựa từ du khách quốc tế có vai trò quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu du lịch bền vững của Việt Nam, từ đó thu hút thêm nhiều du khách quốc tế. Do đó, nghiên cứu này tập trung vào việc xây dựng mô hình giải thích ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế dựa trên việc mở rộng lý thuyết hành vi dự định (TPB; Ajzen, 1991) với biến số quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu.

2.2. Lý thuyết hành vi dự định và ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa

Các nghiên cứu trước đây đều đồng thuận rằng bảo vệ môi trường là một hành vi có nhận thức xuất phát từ ý định trước đó (Kim & cộng sự, 2018; Landon & cộng sự, 2018) và do đó có thể được giải thích từ lý thuyết hành vi dự định (Ajzen, 1991; Juvan & Dolnicar, 2017; Landon & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014). Theo lý thuyết này, ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa chịu tác động của ba yếu tố: thái độ đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa, kiểm soát hành vi cảm nhận trong việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa và quy chuẩn.

2.2.1. Thái độ và ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa

Thái độ là khuynh hướng thực hiện hay không thực hiện hành vi và được cho là kết quả của niềm tin cá nhân liên quan đến hành vi và các hệ quả khi thực hiện hành vi (Ajzen, 1991). Thái độ là sự đánh giá tổng thể về một đối tượng như tốt – xấu, có hại – có lợi, thoải mái – khó chịu và thích – không thích bằng cách so sánh các cặp thuộc tính đối lập (Eagly & Chaiken, 1993). Thái độ tiêu cực hay tích cực đối với hành vi sẽ ảnh hưởng đến ý định (không) thực hiện hành vi (Juvan & Dolnicar, 2017; Kim & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014). Do đó, nếu du khách có thái độ tích cực đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa, họ sẽ có ý định thực hiện hành vi này (Ajzen, 1991). Các nghiên cứu trước đây cho thấy các cá nhân có thái độ tích cực với hành vi bảo vệ môi trường sẽ hình thành ý định thực hiện hành vi đó (Chang & Chou, 2018). Vì vậy, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết sau:

H1: Thái độ tích cực đối với việc giảm thiểu sử

dụng túi nhựa của du khách quốc tế có tác động tích cực đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa.

2.2.2. Kiểm soát hành vi cảm nhận và ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa

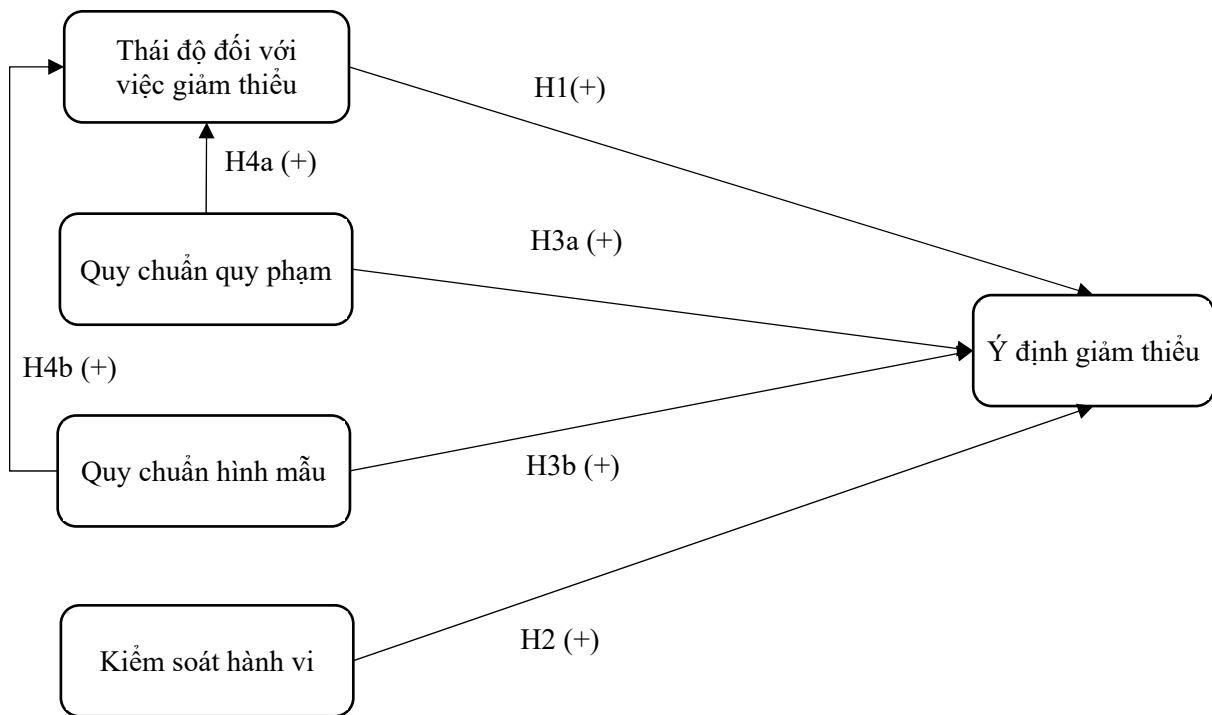
Kiểm soát hành vi cảm nhận thể hiện cảm nhận cá nhân về tính sẵn có hay thiếu thốn tài nguyên và cơ hội để thực hiện một hành vi nào đó (Ajzen, 1991). Các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng cảm nhận về khả năng thực hiện hành vi bảo vệ môi trường có tác động đến ý định thực hiện các hành vi này (Chang & Chou, 2018; Ohtomo & Ohnuma, 2014). Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng rằng cảm nhận về khả năng giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách sẽ làm gia tăng ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của họ. Ví dụ, nếu du khách cảm nhận rằng siêu thị hoặc cửa hàng tiện lợi cung cấp túi giấy hoặc túi sinh học tự phân hủy với chi phí hợp lý, nhiều khả năng họ sẽ hình thành ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa và chuyển sử dụng các loại túi thay thế thân thiện với môi trường. Vì vậy, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết sau:

H2: Kiểm soát hành vi cảm nhận đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế có tác động tích cực đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa.

2.2.3. Quy chuẩn, thái độ và ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa

Theo Smith & cộng sự (2008), quy chuẩn gồm hai thành phần là quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu. Quy chuẩn quy phạm tương đương với thành phần áp lực xã hội trong mô hình TPB và phản ánh cảm nhận những gì (không) được tán thành bởi những người quan trọng. Quy chuẩn quy phạm thúc đẩy cá nhân (không) thực hiện một hành vi nào đó thông qua việc nhấn mạnh những phần thưởng (hình phạt) mang tính xã hội. Mặt khác, quy chuẩn hình mẫu là niềm tin cá nhân về sự phổ biến của một hành vi và phản ánh cảm nhận về việc liệu những người khác có thực hiện hành vi đó hay không. Quy chuẩn hình mẫu thúc đẩy hành vi cá nhân thông qua việc cung cấp chứng cứ rằng hành vi đó là hiển nhiên, phù hợp và thích đáng (Smith & cộng sự, 2008). Các nghiên cứu trước đây khẳng định vai trò quan trọng của quy chuẩn hình mẫu trong việc làm gia tăng sức mạnh giải thích của mô hình TPB và cho thấy cả hai loại quy chuẩn (quy phạm và hình mẫu) đều tác động đến ý định và hành vi người tiêu dùng (Hagger & Chatzisarantis, 2005; Rhodes & Courneya, 2003).

Hình 1: Mô hình và giả thuyết nghiên cứu



Trong bối cảnh du lịch bền vững, các hành vi bảo vệ môi trường được chứng minh là chịu tác động của quy chuẩn quy phạm. Cụ thể hơn, Tonglet & cộng sự (2004b) chứng minh rằng quy chuẩn quy phạm có tác động đến hành vi tái chế trong khi nghiên cứu Tonglet & cộng sự (2004a) cho thấy rằng quy chuẩn quy phạm có ảnh hưởng đến hành vi quản lý rác thải. Gần đây hơn, Ohtomo & Ohnuma (2014) thảo luận và kiểm định tác động của quy chuẩn quy phạm đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa tại siêu thị và Landon & cộng sự (2018) kiểm định tác động của quy chuẩn quy phạm đến hành vi bảo tồn thiên nhiên của du khách. Các kết quả tương tự cũng về tác động tích cực của quy chuẩn hình mẫu đến hành vi bảo vệ môi trường cũng được chứng minh trong các nghiên cứu trước đây, như tái sử dụng khăn tắm (Goldstein & cộng sự, 2008) và tiết kiệm năng lượng (Baca-Motes & cộng sự, 2013). Vì vậy, nghiên cứu này đưa ra giả thuyết:

H3a: Quy chuẩn quy phạm có tác động tích cực đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế.

H3b: Quy chuẩn hình mẫu có tác động tích cực đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế.

Ngày nay, các hoạt động bảo vệ môi trường ngày càng phát triển và truyền thông rộng rãi, thúc đẩy

sự tiếp nhận thông tin, đặc biệt là thông tin từ các nhóm xã hội, từ đó hình thành quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu (Kashima & cộng sự, 2013). Các nghiên cứu cũng cho thấy rằng các thành tố cá nhân (thái độ) và xã hội (quy chuẩn) có liên quan mật thiết với nhau (O’Keefe, 2015) theo hướng môi trường xã hội có tác động đến sự hình thành thái độ của cá nhân (Ajzen & Fishbein, 2000). Lý do là vì quá trình hình thành thái độ của cá nhân chịu sự tác động của môi trường (Chang, 1998). Hơn nữa, kết quả nghiên cứu cũng chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa quy chuẩn và thái độ (Chang, 1998; Lapinski & cộng sự, 2007; Smith & Louis, 2008; Tarkiainen & Sundqvist, 2005). Vì vậy, nghiên cứu này đề xuất:

H4a: Quy chuẩn quy phạm có tác động tích cực đến thái độ đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế.

H4b: Quy chuẩn hình mẫu có tác động tích cực đến thái độ đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát nghiên cứu này là du khách quốc tế bao gồm châu Âu, Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga. Nha Trang được chọn làm nơi thu thập

mẫu vì đây là một thành phố du lịch nổi tiếng, tiếp đón hàng triệu du khách quốc tế mỗi năm. Vì vậy, hành vi của du khách sẽ có tác động đáng kể đến môi trường tại thành phố Nha Trang và thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững do chính quyền thực hiện.

Bảng hỏi được xây dựng bằng tiếng Anh dùng để khảo sát du khách châu Âu và Mỹ. Vì du khách Trung Quốc và Hàn Quốc cũng chiếm tỉ trọng lớn trong lượng khách quốc tế đến Nha Trang, bảng hỏi tiếng Anh được dịch qua tiếng Trung và Hàn bởi các giáo viên ngoại ngữ. Các bản dịch tiếng Trung và Hàn sau đó được dịch lại qua tiếng Anh và hai bảng hỏi tiếng Anh được so sánh để đảm bảo ngữ nghĩa không bị sai lệch.

Phương pháp thu mẫu thuận tiện được sử dụng. Quá trình thu mẫu diễn ra tại đường Trần Phú, Biệt Thự, Nguyễn Thiện Thuật, Hùng Vương, Trần

Quang Khải là các cung đường du khách quốc tế thường tập trung. Du khách được tiếp cận và đề nghị tham gia trả lời bảng hỏi liên quan đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Du khách tiếp nhận bảng câu hỏi và thực hiện khảo sát tự quản lý trong khoảng 15-20 phút.

Ngoài các thông tin về cảm nhận của du khách, bảng hỏi thu thập một số thông tin về nhân khẩu học bao gồm như giới tính, nhóm tuổi, quốc tịch, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, thu nhập bình quân và nghề nghiệp. Ngoài các đặc điểm mẫu thu thập như trình bày trong Bảng 1, quốc tịch của du khách được khảo sát phần lớn là Trung Quốc (44,3%), tiếp theo là châu Âu và Mỹ (40,1%) và Hàn Quốc (15,6%). Số bảng câu hỏi phát ra là 220, số bảng câu hỏi thu về là 220. Trong đó, 20 bảng câu hỏi bị loại bỏ vì thiếu thông tin, còn lại 200 bảng hỏi được sử dụng trong xử lý số liệu. Đặc điểm của mẫu được mô tả trong bảng dưới đây.

Bảng 1: Đặc điểm mẫu thu thập

Đặc điểm	Số lượng	Phần trăm	
Giới tính	Nam	101	50,50
	Nữ	99	49,50
Tuổi	Từ 15 đến 29	80	40,00
	Từ 30 đến 44	100	50,00
	Từ 45 đến 59	13	6,50
	Trên 60	7	3,50
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	102	51,00
	Đã kết hôn	92	46,00
	Khác	6	3,00
Trình độ học vấn	Bằng cử nhân trở xuống	150	75,00
	Thạc sĩ	48	24,00
	Tiến sĩ	2	1,00
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	27	13,50
	Nhân viên	66	33,00
	Nội trợ	10	5,00
	Giáo viên	12	6,00
	Doanh nhân	40	20,00
	Bác sĩ	25	12,50
Khác	20	10,00	

Bảng 2: Thang đo, độ tin cậy và độ giá trị

Cấu trúc khái niệm	Hệ số tải	Alpha	CR	AVE
<i>Thái độ đối với việc giảm thiểu túi nhựa (ATT)</i>		0,86	0,91	0,78
Tôi có thái độ tích cực với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa	0,89			
Giảm thiểu sử dụng túi nhựa là ý kiến hay	0,87			
Tôi thích ý tưởng giảm thiểu sử dụng túi nhựa	0,89			
<i>Quy chuẩn quy phạm (IN)</i>		0,81	0,87	0,63
Bạn bè muốn tôi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,80			
Gia đình muốn tôi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,88			
Bạn đồng nghiệp muốn tôi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,82			
Những người quan trọng muốn tôi giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,83			
<i>Quy chuẩn hình mẫu (DN)</i>		0,85	0,90	0,69
Nhiều bạn bè của tôi đang giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,83			
Thành viên gia đình tôi đang giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,86			
Nhiều bạn đồng nghiệp của tôi đang giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,86			
Nhiều người tôi biết đang giảm thiểu sử dụng túi nhựa.	0,61			
<i>Kiểm soát hành vi cảm nhận (PBC)</i>		0,74	0,85	0,66
Giảm thiểu sử dụng túi nhựa hoàn toàn nằm trong khả năng của tôi	0,81			
Tôi hoàn toàn kiểm soát việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa	0,78			
Giảm thiểu sử dụng túi nhựa hoàn toàn nằm trong kiểm soát	0,84			
<i>Ý định hành vi (BI)</i>		0,93	0,95	0,87
Tôi sẽ giảm thiểu sử dụng túi nhựa trong tương lai gần.	0,95			
Tôi có ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa trong tương lai gần.	0,94			
Tôi sẽ khuyến cáo người khác giảm thiểu sử dụng túi nhựa	0,92			

3.2. Thang đo lường

Thang đo lường của nghiên cứu này được kế thừa từ các nghiên cứu trước đây. Cụ thể hơn, ba mục hỏi của thang đo thái độ với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa và ba mục hỏi của kiểm soát hành vi cảm nhận được kế thừa và hiệu chỉnh từ nghiên cứu của Taylor & Todd (1995). Vì nghiên cứu của Taylor & Todd (1995) tập trung vào hành vi bảo vệ môi trường (tái chế và tổng hợp rác thải) tương tự như nghiên cứu này, tác giả chỉ thay đổi nội dung hành vi cho phù hợp với mục tiêu nghiên cứu (ví dụ, từ tái chế thành giảm thiểu sử dụng túi nhựa). Đối với thang đo ý định hành vi, ba mục hỏi được kế thừa từ nghiên cứu của Taylor & Todd (1995) và được hiệu chỉnh dựa

trên thang đo của Lee & cộng sự (2010). Thang đo quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu (mỗi thang đo gồm bốn mục hỏi) được sử dụng từ nghiên cứu của Hagger & Chatzisarantis (2005). Các mục hỏi đo lường bằng thang đo Likert 7 điểm với 1: Hoàn toàn không đồng ý và 7: Hoàn toàn đồng ý.

4. Kết quả phân tích

4.1. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu này sử dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất bán phần (PLS-SEM) với phần mềm SmartPLS 3.2.8 để kiểm định độ tin cậy, độ giá trị thang đo và kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Theo đó, giá trị Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng

Bảng 3: Tương quan giữa các cấu trúc khái niệm

Khái niệm	Trung bình	Tương quan				
		1	2	3	4	5
1. Thái độ	3,80	0,88				
2. Quy chuẩn quy phạm	4,79	0,25	0,79			
3. Quy chuẩn hình mẫu	4,49	0,23	0,13	0,83		
4. Kiểm soát hành vi cảm nhận	4,16	0,19	0,05	0,25	0,81	
5. Ý định hành vi	4,00	0,43	0,31	0,57	0,35	0,93

Ghi chú: Căn bậc hai của phương sai trích nằm trên đường chéo chính.

hợp phải $> 0,7$ để đảm bảo độ tin cậy. Giá trị phương sai trích phải $> 0,5$ để đạt độ giá trị hội tụ. Độ giá trị phân biệt được đánh giá theo tiêu chuẩn Fornell & Larcker (1981), trong đó, giá trị căn bậc hai của phương sai trích của một biến số phải lớn hơn tương quan của biến số đó với các biến số khác.

Kết quả kiểm định giả thuyết được đánh giá với mức ý nghĩa 5% và được kiểm định lại bằng thủ tục bootstrap với 5000 mẫu con và mức ý nghĩa 5%. Kết quả phân tích được báo cáo trong các phần tiếp theo.

4.2. Độ tin cậy và độ giá trị của các đo lường

Kết quả kiểm định thang đo cho thấy các thang đo đều đạt độ nhất quán nội tại (độ tin cậy tổng hợp của các thang đo đều $> 0,7$). Đồng thời, các hệ số tải nhân số đều $> 0,7$ và phương sai trích đều lớn hơn 0,5. Do đó, các thang đo đề xuất đạt được độ giá trị hội tụ.

Kết quả phân tích cho thấy giá trị nhỏ nhất của căn bậc hai của AVE (0,79) lớn hơn giá trị lớn nhất của tương quan giữa các cặp khái niệm (0,43). Do đó, các cấu trúc khái niệm đạt được độ giá trị phân biệt (xem bảng 3).

4.3. Kiểm định giả thuyết

Hệ số VIF của các cấu trúc khái niệm đều < 3 cho thấy hiện tượng đa cộng tuyến không tồn tại. Kết quả $R^2 = 47,9\%$ và $Q^2 = 0,39 > 0$ cho thấy mô hình cấu trúc có chất lượng tốt.

Kết quả cho thấy các biến số độc lập đều có tác động có ý nghĩa đến biến phụ thuộc. Cụ thể hơn, thái độ có tác động mạnh đến ý định ($\beta = 0,26$; $p < 0,001$). Kiểm soát hành vi cũng có tác động đến biến số này ($\beta = 0,18$; $p < 0,01$). Đáng quan tâm, hai thành phần quy chuẩn bao gồm quy chuẩn quy phạm ($\beta = 0,18$; $p < 0,001$) và quy chuẩn hình mẫu ($\beta = 0,44$; $p < 0,001$) tác động mạnh đến ý định giảm

Bảng 4: Kết quả kiểm định mô hình

Đường dẫn	Giả thuyết	Mô hình nghiên cứu			VIF	Kết luận
		Std. β	t-value	Bootstrap		
Thái độ \rightarrow Ý định	H1	0,26	4,58***	[0,15-0,36]	1,13	Ủng hộ
Kiểm soát \rightarrow Ý định	H2	0,18	3,42**	[0,08-0,28]	1,09	Ủng hộ
Quy chuẩn quy phạm \rightarrow Ý định	H3a	0,18	3,63***	[0,08-0,27]	1,07	Ủng hộ
Quy chuẩn hình mẫu \rightarrow Ý định	H3b	0,44	7,81***	[0,33-0,55]	1,11	Ủng hộ
Quy chuẩn quy phạm \rightarrow Thái độ	H4a	0,22	3,46**	[0,08-0,34]	1,02	Ủng hộ
Quy chuẩn hình mẫu \rightarrow Thái độ	H4b	0,20	2,77**	[0,05-0,32]	1,02	Ủng hộ
R^2				$R^2_{BI} = 47,9\%$		
Độ lớn tác động (f^2)				$f^2_{ATT \rightarrow BI} = 0,11$; $f^2_{PBC \rightarrow BI} = 0,06$; $f^2_{IN \rightarrow BI} = 0,06$; $f^2_{DN \rightarrow BI} = 0,34$		
Stone-Geisser's Q^2				$Q^2_{BI} = 0,39$		

Ghi chú: *** $p < 0,001$; ** $p < 0,01$.

thiểu sử dụng túi nhựa. Hai thành phần này cũng có tác động mạnh đến thái độ ($\beta = 0,22$; $p < 0,01$ và $\beta = 0,20$; $p < 0,01$).

Các hệ số đường dẫn có ý nghĩa ở mức 5% được kiểm định lại thông qua thủ tục bootstrap. Kết quả cho thấy các hệ số này đều khác 0. Như vậy, có thể kết luận kết quả kiểm định giả thuyết là đáng tin cậy.

5. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu này tập trung vào việc giải thích ý định giảm thiểu việc sử dụng túi nhựa của du khách quốc tế dựa trên lý thuyết TPB với sự bổ sung biến số quy chuẩn hình mẫu. Như kỳ vọng, mô hình TPB thể hiện sức mạnh dự báo đối với ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa (giải thích 47,9 biến thiên của hành vi này). Hầu hết các biến số đều có tác động tương đối mạnh và có ý nghĩa đến ý định hành vi. Đáng chú ý, quy chuẩn hình mẫu có tác động mạnh nhất đến ý định cho thấy vai trò quan trọng của biến số này trong việc giải thích cách hành vi bảo vệ môi trường, tiếp theo là thái độ và kiểm soát hành vi. Bên cạnh đó, hai biến số quy chuẩn cũng có tác động mạnh đến thái độ của du khách. Vì vậy, nghiên cứu có một số hàm ý học thuật và thực tiễn.

5.1. Hàm ý lý thuyết

Trước tiên, nghiên cứu áp dụng lý thuyết TPB vào việc giải thích ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách. Kết quả cho thấy các thành phần của mô hình này có thể giải thích hiệu quả ý định hành vi và do đó, phù hợp với kết quả của những nghiên cứu trước đây (Ajzen, 1991; Juvan & Dolnicar, 2017; Landon & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014). Mặc dù hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa của du khách chưa được nghiên cứu trước đây, kết quả nghiên cứu củng cố sức mạnh dự báo của TPB đối với các hành vi bảo vệ môi trường.

Kết quả cho thấy thái độ đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa có tác động tích cực đến ý định hành vi. Kết quả này phù hợp với các phát hiện trước đây trong lĩnh vực tâm lý học rằng các cá nhân thường thực hiện các hành vi phù hợp với thái độ, trong khi tránh thực hiện các hành vi mà họ có thái độ tiêu cực (Ajzen & Fishbein, 2000; Eagly & Chaiken, 1993). Kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây trong bối cảnh hành vi bảo vệ môi trường. Các nghiên cứu này đều chứng minh thái độ là một nhân tố quan trọng của hành vi bảo vệ môi trường (Juvan & Dolnicar, 2017; Kim & cộng sự, 2018; Miller & cộng sự, 2014).

Kiểm soát hành vi cảm nhận cũng được chứng minh có tác động đến hành vi bảo vệ môi trường trong các nghiên cứu trước đây (Chang & Chou, 2018; Ohtomo & Ohnuma, 2014). Vì vậy, tác động của kiểm soát hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa có tác động đến ý định hành vi cũng cho thấy sự tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Điều này cho thấy rằng, việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa đôi khi phụ thuộc vào các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài (ví dụ, có các túi thay thế thân thiện với môi trường). Cũng cần nhấn mạnh rằng, tác động của kiểm soát hành vi cảm nhận đến ý định hành vi tương đối yếu hơn so với các biến số còn lại. Điều này có thể được giải thích là do cấp quản lý tại Nha Trang vẫn chưa có những giải pháp đủ mạnh giúp giảm thiểu việc sử dụng túi nhựa của du khách.

Cuối cùng, nghiên cứu cho thấy quy chuẩn quy phạm và quy chuẩn hình mẫu là hai thành phần riêng biệt có tác động đến ý định hành vi của du khách. Trong khi quy chuẩn quy phạm đã được chứng minh là có tác động đến ý định hành vi bảo vệ môi trường (Ohtomo & Ohnuma, 2014; Tonglet & cộng sự, 2004a; Tonglet & cộng sự, 2004b), quy chuẩn hình mẫu được khuyến khích thảo luận và tích hợp vào mô hình nhằm gia tăng mức độ dự báo ý định hành vi (Chang & Chou, 2018; Goldstein & cộng sự, 2008; Juvan & Dolnicar, 2017; Ohtomo & Ohnuma, 2014). Vì vậy nghiên cứu này đóng góp vào kiến thức chung thông qua việc thảo luận và kiểm định vai trò của quy chuẩn hình mẫu trong việc giải thích ý định thực hiện một hành vi bảo vệ môi trường cụ thể: giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý rằng các nghiên cứu tương lai nên xem xét tích hợp quy chuẩn hình mẫu nhằm gia tăng mức độ giải thích các hành vi bảo vệ môi trường.

5.2. Hàm ý quản trị

Nghiên cứu này có một số hàm ý quản trị cho nhà quản lý và phát triển chiến lược du lịch bền vững. Cụ thể hơn, nghiên cứu chỉ ra rằng thái độ đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa có tác động tích cực đến ý định hành vi của du khách. Vì vậy, các chiến lược marketing cần được xây dựng và thực hiện nhằm nhấn mạnh vào việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa với mục đích bảo vệ môi trường. Các chiến dịch marketing này sẽ thay đổi niềm tin của du khách, từ đó hình thành thái độ tích cực đối với việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa.

Kiểm soát hành vi cảm nhận cũng được chứng

minh là có tác động đến ý định giảm thiểu sử dụng túi nhựa, vì vậy, nhà quản lý cần ban hành chính sách hỗ trợ du khách giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Ví dụ, nhà quản lý có thể khuyến khích các siêu thị hay cửa hàng tiện lợi cung cấp túi giấy hoặc túi thân thiện với môi trường với mức giá hợp lý. Bên cạnh đó, chiến lược marketing cũng cần hướng đến việc gia tăng sự tự tin trong việc sử dụng các sản phẩm túi giấy hoặc túi thân thiện với môi trường.

Cuối cùng, kết quả nghiên cứu cho thấy quy chuẩn quy phạm đều có tác động đến thái độ và ý định hành vi giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Kết quả cho thấy vai trò quan trọng của hai loại quy chuẩn đối với hành vi bảo vệ môi trường của du khách. Do đó, nhà quản lý có thể dựa vào quy chuẩn để xây dựng chiến lược marketing đạt hiệu quả cao. Vì quy chuẩn quy phạm có thể xuất phát từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp hoặc những người quan trọng với du khách, các chiến lược marketing xây dựng môi trường du lịch bền vững có thể được thiết kế để phù hợp với từng đối tượng nhằm phát huy hiệu quả cao

nhất. Ví dụ, chiến lược marketing có thể liên hệ việc sử dụng quá mức túi nhựa và các ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng và gia đình như thế nào. Hoặc nhà quản lý có thể hoạch định chính sách khuyến khích sử dụng túi thân thiện môi trường đối với du khách thông qua việc giảm giá, tặng voucher khuyến mãi nếu du khách sử dụng túi thân thiện môi trường khi mua sắm. Một giải pháp có hiệu quả nữa là nhà quản lý có thể áp dụng là quan tâm việc áp dụng các tiêu chí chứng nhận nhãn du lịch bền vững tại cơ sở của doanh nghiệp, từ đó nâng cao thái độ và ý định sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường và giảm bớt các sản phẩm gây hại cho môi trường như túi nhựa. Để phát huy vai trò của quy chuẩn hình mẫu, chiến lược marketing có thể sử dụng hình ảnh những người nổi tiếng, có sức ảnh hưởng như ca sĩ, diễn viên, các KOL (key opinion leader) để khuyến khích việc giảm thiểu sử dụng túi nhựa. Bên cạnh đó, việc xây dựng và phát triển các cộng đồng sử dụng túi thân thiện môi trường cũng được kỳ vọng là có tác động tích cực đến ý định của người tiêu dùng.

Tài liệu tham khảo:

- Ajzen, I. (1991), 'The theory of planned behavior', *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.
- Ajzen, I. & Fishbein, M. (2000), 'Attitudes and the attitude-behavior relation: Reasoned and automatic processes', *European Review of Social Psychology*, 11(1), 1-33.
- Baca-Motes, K., Brown, A., Gneezy, A., Keenan, E.A. & Nelson, L.D. (2013), 'Commitment and behavior change: Evidence from the field', *Journal of Consumer Research*, 39(5), 1070-1084.
- Blasing, M. & Amelung, W. (2018), 'Plastics in soil: Analytical methods and possible sources', *Science of the Total Environment*, 612, 422-435.
- Budeanu, A., Miller, G., Moscardo, G. & Ooi, C.-S. (2016), 'Sustainable tourism, progress, challenges and opportunities: an introduction', *Journal of Cleaner Production*, 111, 285-294.
- Chang, M.K. (1998), 'Predicting unethical behavior: a comparison of the theory of reasoned action and the theory of planned behavior', *Journal of Business Ethics*, 17(16), 1825-1834.
- Chang, S.-H., & Chou, C.-H. (2018), 'Consumer intention toward bringing your own shopping bags in Taiwan: An application of ethics perspective and theory of planned behavior', *Sustainability*, 10(6), 1-14.
- Dolnicar, S. & Grün, B. (2009), 'Environmentally friendly behavior: Can heterogeneity among individuals and contexts/environments be harvested for improved sustainable management?', *Environment and Behavior*, 41(5), 693-714.
- Eagly, A.H. & Chaiken, S. (1993), *The Psychology of Attitudes*, Harcourt Brace Jovanovich College Publishers, Orlando, FL, US.
- Fornell, C. & Larcker, D.F. (1981), 'Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error', *Journal of Marketing Research*, 18(1), 39-50.
- Goldstein, N.J., Cialdini, R.B. & Griskevicius, V. (2008), 'A room with a viewpoint: Using social norms to motivate environmental conservation in hotels', *Journal of Consumer Research*, 35(3), 472-482.
- Gössling, S., Hall, C. M., Peeters, P. & Scott, D. (2010), 'The future of tourism: Can tourism growth and climate policy be reconciled? A mitigation perspective', *Tourism Recreation Research*, 35(2), 119-130.

- Hagger, M.S. & Chatzisarantis, N.L. (2005), 'First-and higher-order models of attitudes, normative influence, and perceived behavioural control in the theory of planned behaviour', *British Journal of Social Psychology*, 44(4), 513-535.
- Heidbreder, L.M., Bablok, I., Drews, S. & Menzel, C. (2019), 'Tackling the plastic problem: A review on perceptions, behaviors, and interventions', *Science of The Total Environment*, 668, 1077-1093.
- Horton, A.A., Walton, A., Spurgeon, D.J., Lahive, E. & Svendsen, C. (2017), 'Microplastics in freshwater and terrestrial environments: Evaluating the current understanding to identify the knowledge gaps and future research priorities', *Science of The Total Environment*, 586, 127-141.
- Juvan, E. & Dolnicar, S. (2017), 'Drivers of pro-environmental tourist behaviours are not universal', *Journal of Cleaner Production*, 166, 879-890.
- Kashima, Y., Wilson, S., Lusher, D., Pearson, L.J. & Pearson, C. (2013), 'The acquisition of perceived descriptive norms as social category learning in social networks', *Social Networks*, 35(4), 711-719.
- Kim, M.-S., Kim, J. & Thapa, B. (2018), 'Influence of environmental knowledge on affect, nature affiliation and pro-environmental behaviors among tourists', *Sustainability*, 10(9), 1-16.
- Landon, A.C., Woosnam, K.M. & Boley, B.B. (2018), 'Modeling the psychological antecedents to tourists' pro-sustainable behaviors: an application of the value-belief-norm model', *Journal of Sustainable Tourism*, 26(6), 957-972.
- Lapinski, M.K., Rimal, R.N., Devries, R. & Lee, E.L. (2007), 'The role of group orientation and descriptive norms on water conservation attitudes and behaviors', *Health Communication*, 22(2), 133-142.
- Lee, J.-S., Hsu, L.-T., Han, H. & Kim, Y. (2010), 'Understanding how consumers view green hotels: how a hotel's green image can influence behavioural intentions', *Journal of Sustainable Tourism*, 18(7), 901-914.
- Miller, D., Merrilees, B. & Coghlan, A. (2014), 'Sustainable urban tourism: understanding and developing visitor pro-environmental behaviours', *Journal of Sustainable Tourism*, 23(1), 26-46.
- O'Keefe, D.J. (2015), *Persuasion: Theory and research*, Sage Publications.
- Ohtomo, S. & Ohnuma, S. (2014), 'Psychological interventional approach for reduce resource consumption: Reducing plastic bag usage at supermarkets', *Resources, Conservation and Recycling*, 84, 57-65.
- Ramayah, T., Lee, J.W. & Lim, S. (2012), 'Sustaining the environment through recycling: an empirical study', *Journal of Environmental Management*, 102, 141-147.
- Rhodes, R.E. & Courneya, K.S. (2003), 'Investigating multiple components of attitude, subjective norm, and perceived control: An examination of the theory of planned behaviour in the exercise domain', *British Journal of Social Psychology*, 42(1), 129-146.
- Smith, J.R. & Louis, W.R. (2008), 'Do as we say and as we do: the interplay of descriptive and injunctive group norms in the attitude-behaviour relationship', *British Journal of Social Psychology*, 47(Pt 4), 647-666.
- Smith, J.R., Terry, D.J., Manstead, A.S., Louis, W.R., Kotterman, D. & Wolfs, J. (2008), 'The attitude-behavior relationship in consumer conduct: The role of norms, past behavior, and self-identity', *The Journal of Social Psychology*, 148(3), 311-334.
- Stern, P. (2000), 'Toward a coherent theory of environmentally significant behaviour', *Journal of Social Issues*, 56(3), 407-424.
- Tarkiainen, A. & Sundqvist, S. (2005), 'Subjective norms, attitudes and intentions of Finnish consumers in buying organic food', *British Food Journal*, 107(11), 808-822.
- Taylor, S. & Todd, P. (1995), 'An integrated model of waste management behavior: A test of household recycling and composting intentions', *Environment and Behavior*, 27(5), 603-630.
- Tonglet, M., Phillips, P.S. & Bates, M.P. (2004a), 'Determining the drivers for householder pro-environmental behaviour: waste minimisation compared to recycling', *Resources, Conservation and Recycling*, 42(1), 27-48.
- Tonglet, M., Phillips, P.S. & Read, A.D. (2004b), 'Using the Theory of Planned Behaviour to investigate the determinants of recycling behaviour: a case study from Brixworth, UK', *Resources, Conservation and Recycling*, 41(3), 191-214.